

Bản án số: 245/2022/HS-PT

Ngày: 07 - 07 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Long

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Tự

Ông Nguyễn Văn Tào

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Nam Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 198/2022/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Lương Minh N do có kháng cáo của *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 15 - 4 - 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

**- Bị cáo bị kháng cáo:**

Bị cáo: Lương Minh N; sinh ngày 15 tháng 02 năm 1996 tại: tỉnh Quảng Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: tỉnh Quảng Bình; giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Lương Minh T; con bà: Lê Thị T; sinh năm 1954; có vợ Dương Thị Thủy T và có 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt từ ngày 07/10/2021 cho đến ngày 22/12/2021 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh; vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:** Chị Hoàng Thị Thúy V, địa chỉ: tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:*

Từ tháng 8/2020, Lương Minh N cho nhiều người dân trên địa bàn vay tiền theo các gói vay từ 5.000.000 đồng trở lên với lãi suất từ 183%/năm đến 1.217%/năm, cao gấp 9,15 lần đến 60,85 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, hình thức vay tín chấp và thế chấp. Người vay có thể vay theo hình thức trả góp cả gốc và lãi hàng ngày hoặc trả lãi theo kỳ và trả gốc sau. Khi người vay có nhu cầu vay tiền thì N chụp ảnh người vay, yêu cầu người vay để lại các loại giấy tờ tùy thân, viết giấy mượn tiền hoặc viết giấy biên nhận tiền hàng để hợp thức hóa tiền vay. Nếu người vay không trả tiền hoặc trả tiền chậm thì N nhắn tin, gọi điện hoặc gặp để đòi tiền, đăng hình ảnh lên mạng xã hội hoặc in các tờ rơi rải ở khu vực dân cư để gây áp lực buộc người vay trả tiền.

Từ tháng 3/2021, Nguyễn Thái Q, sinh năm 1993, trú tại tỉnh Quảng Bình tham gia cùng Lương Minh N trong việc nhắn tin, gọi điện, đi cùng N gặp người vay để đòi tiền. Nguyễn Thái Q còn thay N đứng tên trên các giấy tờ vay tiền, nhận tiền từ người vay rồi giao lại cho N. Q được N chia tiền hưởng lợi từ việc cho vay.

Bằng những phương thức trên, từ năm 2020 cho đến khi bị phát hiện Lương Minh N đã cho 07 người vay 13 gói, với tổng số tiền 499.000.000 đồng, thu lợi bất chính 152.606.164 đồng, cụ thể:

**1. Chị Hoàng Thị Mỹ L, sinh năm 1998, trú tại huyện T vay tiền của Lương Minh N 03 gói, cụ thể:**

- Lần 1: Ngày 19/12/2020, chị L vay 5.000.000đ, thỏa thuận thời gian trả 40 ngày, tổng số tiền lãi đã trả cho N là 2.000.000đ, tương đương mức lãi suất 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, trong đó số tiền lãi theo pháp luật cho phép là 109.589 đồng; số tiền thu lợi là: 1.890.411 đồng.

- Lần 2: Tháng 02/2021, chị L vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi thời hạn 40 ngày, mỗi ngày trả 890.000 đồng, tương đương lãi suất 712%/1 năm, gấp 35,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, tổng số tiền lãi đã trả cho N 15.600.000 đồng; số tiền lãi theo pháp luật cho phép là 438.356 đồng; số tiền thu lợi là 15.161.644 đồng.

- Lần 3: Vào ngày 23/3/2021 chị L vay 50.000.000 đồng (chị L trả cho N 13.350.000 đồng tiền còn nợ của gói vay thứ 2 và nhận về 36.650.000 đồng), thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 60 ngày, mỗi ngày trả 1.300.000 đồng, tương đương với lãi suất 341%/năm. Gói vay này chị L trả góp 03 lần, lần 01 trả cho N được 52.000.000 đồng trong thời gian 40 ngày, sau đó chị L không trả nữa. N và Q nhiều lần gọi điện, nhắn tin yêu cầu chị L trả tiền thì đến ngày

01/8/2021, L trả cho N số tiền 28.000.000 đồng và ngày 16/8/2021 trả cho Q 20.000.000 đồng, sau khi nhận tiền Q giao lại cho N và được N cho số tiền 5.500.000đồng, tổng số tiền lãi đã trả cho N 50.000.000 đồng (trong thời gian 147 ngày); số tiền lãi theo pháp luật cho phép là: 4.027.397 đồng; số tiền thu lợi bất chính 45.972.603 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của 03 gói vay là: 63.024.658 đồng (sáu mươi ba triệu, không trăm hai bốn ngàn, sáu trăm năm tám đồng).

**2. Chị Phạm Thị V, sinh năm 1965, trú tại tỉnh Quảng Bình vay tiền của Lương Minh N 03 lần, cụ thể:**

- Lần 1: Ngày 12/11/2020, chị V vay N số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi và gốc trong thời gian 60 ngày, lãi tính 10.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương đương mức lãi suất là 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, tổng số tiền lãi đã trả cho N tính đến ngày 06/02/2021 là 11.000.000 đồng ; số tiền lãi theo pháp luật cho phép là 328.767 đồng; số tiền thu lợi là 10.671.233 đồng

- Lần 2: Ngày 06/02/2021 chị V tiếp tục gói vay 15.000.000 đồng để trả lãi của gói vay lần1(còn thiếu 5.000.000đồng), lãi tính 10.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương đương mức lãi suất là 365%/năm, tổng số tiền lãi đã trả cho N tính đến ngày 28/02/2021 là 5.000.000 đồng; số tiền lãi theo pháp luật cho phép là 213.699 đồng; số tiền thu lợi là 4.786.301 đồng.

- Lần 3: Vào ngày 28/02/2021, chị V số tiền 20.000.000 đồng (để trả tiền gốc và lãi gói thứ hai) lãi tính 10.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương đương mức lãi suất là 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi đã trả cho N tính đến ngày 05/8/2021 là 46.000.000 đồng; số tiền lãi theo pháp luật cho phép là 1.742.466 đồng; số tiền lãi thu lợi là 44.257.534 đồng.

Tổng số tiền N thu lợi bất chính của 03 gói vay là: 59.715.068 đồng.

**3. Anh Phan Phương N, sinh năm 1982, trú tại thành phố Đ vay tiền của Lương Minh N 02 lần:**

- Lần 1: Tháng 8/2020, anh N vay N số tiền 15.000.000đồng, lãi tính 7.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương đương mức lãi suất là 256%/năm, gấp 12,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thời gian vay 30 ngày; tổng số tiền lãi đã trả cho N là 3.150.000 đồng; số tiền lãi theo pháp luật cho phép là 246.575 đồng; số tiền thu lợi là 2.903.425 đồng.

- Lần 2: Vào ngày 17/3/2021, anh N vay của N số tiền 30.000.000 đồng, lãi tính 7.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương đương mức lãi suất là 256%/năm, gấp 12,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thời gian vay 30 ngày, tổng số tiền lãi đã trả cho N là 6.300.000 đồng; số tiền lãi theo pháp luật cho phép là 493.151đồng; số tiền thu lợi là 5.806.849 đồng.

Tổng số tiền N thu lợi bất chính của 02 gói vay là 8.710.274 đồng, đã trả đủ tiền gốc.

**4. Chị Nguyễn Thị N**, sinh năm 1997, trú tại thành phố Đ vay tiền của Lương Minh N 01 lần, cụ thể:

Ngày 12/3/2021, chị N vay N số tiền 9.000.000 đồng, trả góp 10 ngày, mỗi ngày 1.200.000 đồng, tương đương mức lãi suất 1.217%/năm, gấp 60,85 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, tổng số tiền lãi đã trả cho N là 3.000.000 đồng; số tiền lãi theo pháp luật cho phép là 49.315 đồng, tiền thu lợi là 2.950.685 đồng. Đã trả đủ tiền gốc.

**5. Chị Cao Nữ Phương N**, sinh năm 1998, trú thành phố Đ vay tiền của Lương Minh N 01 lần, cụ thể:

Ngày 10/8/2020, chị N vay N số tiền 20.000.000 đồng, lãi tính 8.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương đương mức lãi suất là 292%/năm, gấp 14,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, tổng số tiền lãi đã trả cho N trong vòng 10 ngày là 1.600.000 đồng, số tiền lãi theo pháp luật cho phép là 109.589 đồng; số tiền thu lợi là 1.490.411 đồng. Sau khi vay, Cao Nữ Phương N đã đưa tiền vay cho Đào Thị Hương T, sinh năm 2001, trú tại thành phố Đ sử dụng. Đào Thị Hương T xác nhận chịu trách nhiệm thanh toán tiền lãi, tiền gốc gói vay này cho Lương Minh N.

Hiện T chưa trả tiền gốc là 20.000.000 đồng.

**6. Anh Nguyễn Kiên C**, sinh năm 1989, trú tại thành phố Đ vay tiền của Lương Minh N 01 lần, cụ thể:

Ngày 06/9/2021, anh C vay N số tiền 60.000.000 đồng, thời gian vay 30 ngày, lãi tính 7.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương đương mức lãi suất là 256%/năm, gấp 12,8 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, tổng tiền lãi đã trả cho N là 2.000.000 đồng, số tiền lãi theo pháp luật cho phép là 986.301 đồng; số tiền thu lợi là 1.013.699 đồng.

**7. Anh Nguyễn Vinh Q**, sinh năm 1997, trú tại thành phố Đ vay tiền của Lương Minh N 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 05/12/2020, anh Q vay N số tiền 150.000.000 đồng, lãi tính 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương đương mức lãi suất 183%/năm, gấp 9,15 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, tổng tiền lãi đã trả cho N trong vòng 10 ngày là: 10.000.000 đồng; số tiền lãi theo pháp luật cho phép là 3.205.479 đồng; số tiền thu lợi là: 6.794.521 đồng.

Lần 2. Ngày 14/01/2021, bà Nguyễn Thị C, là mẹ của Nguyễn Vinh Q đến trả cho N số tiền 55.000.000 đồng, bà C trả tiền gốc vay và viết lại giấy vay số tiền 95.000.000 đồng, lãi suất tính như lần 1. Tổng số tiền lãi đã trả cho N trong vòng

21 ngày là: 10.000.000 đồng; số tiền lãi pháp luật cho phép 1.093.151 đồng; số tiền thu lợi là: 8.906.849 đồng.

Số tiền N thu lợi bất chính của 02 gói vay là 15.701.370 đồng. Hiện tại anh Q chưa trả tiền gốc là 95.000.000 đồng.

Như vậy, từ năm 2020 đến ngày bị phát hiện, quá trình điều tra xác định Lương Minh N đã cho 07 người vay tiền, với 13 gói vay, tổng số tiền của các gói vay là 499.000.000 đồng, lãi suất từ 183%/năm đến 1.217%/năm, cao gấp 9,15 lần đến 60,85 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự, tổng số tiền lãi Lương Minh N đã thu từ người vay là 165.650.000 đồng, số tiền lãi theo pháp luật cho phép là: 13.043.836 đồng, số tiền Lương Minh N thu lợi bất chính là 152.606.164 đồng.

#### *Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy:*

Ngày 07/10/2021, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Bình thi hành lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở, nơi làm việc của Lương Minh N, Nguyễn Thái Q. Quá trình khám xét đã phát hiện, thu giữ tại chỗ ở của Lương Minh N tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình 04 viên nén màu xám; thu giữ tại chỗ ở của Nguyễn Thái Q 01 túi nilon bên trong có 01 viên nén màu xanh và 01 túi nilon bên trong có chất bột màu xanh. N và Q trình bày đây là ma túy tổng hợp (thường gọi là “keo”), N và Q mua về cất giấu để sử dụng.

Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình xác định: 04 viên nén màu xám thu giữ tại chỗ ở của Lương Minh N là chất ma túy, loại MDMA, khối lượng 2,042 gam; chất bột màu xanh và 01 viên nén màu xanh thu giữ tại chỗ ở của Nguyễn Thái Q là chất ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng 0,459 gam.

#### **Về vật chứng của vụ án:**

Quá trình khám xét chỗ ở, nơi làm việc của Lương Minh N và Nguyễn Thái Q phát hiện, thu giữ một số giấy tờ và tài sản liên quan đến việc phạm tội:

- 15 (mười lăm) loại giấy tờ liên quan đến việc vay, mượn của những người vay; Ngoài ra còn có thu giữ thêm:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA 334728, tên Lương Minh N, sinh năm 1996, CCCD số: 044096001022.

*[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:*

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt: Lương Minh N 07 (bảy) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Phạt bị cáo Lương Minh N 15 (mười lăm) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy.*”

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lương Minh N phải chấp hành hình phạt của 02 tội là 22 (hai mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ tạm giam trước từ ngày 07/10/2021 cho đến ngày 22/12/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, điều 36 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, phạt: Nguyễn Thái Q 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”,

Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Phạt bị cáo Nguyễn Thái Q 12 (mười hai) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy.*”

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, quy đổi 03 ngày cải tạo không giam giữ bằng 01 ngày tù, buộc bị cáo chấp hành 02 tháng tù tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và 12 tháng tù tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thái Q phải chấp hành hình phạt của 02 tội là 14 (*mười bốn*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ tạm giam trước từ ngày 08/10/2021 cho đến ngày 22/12/2021.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thái Q.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lương Minh N và Nguyễn Thái Q.

*Về xử lý vật chứng:*

- 15 (mười lăm) loại giấy tờ liên quan đến việc vay, mượn của những người vay – là những tài liệu có ý nghĩa chứng minh trong vụ án, do đó lưu vào hồ sơ vụ án.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA 334728, tên Lương Minh N, sinh năm 1996, CCCD số: 044096001022 – là tài sản của Lương Minh N cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về các biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*[3] Kháng cáo:*

Ngày 29-4-2022 chị Hoàng Thị Thúy V kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất 113 tờ bản đồ số 11 diện tích 53,2m<sup>2</sup> tại Tổ dân phố 7 phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng

Bình giữa chị Hoàng Thị Thúy V và bị cáo Lương Minh N. Đồng thời bị cáo N cho rằng sau khi chuyển nhượng đất xong thì bị cáo có đưa cho chị V 50.000.000 đồng là không đúng, mà chỉ có đưa thêm 20.000.000 đồng.

*[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, đề nghị hủy Hợp đồng chuyển nhượng ngày 12-11-2020 giữa chị V và bị cáo N, trả nhà đất lại cho chị V.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung kháng cáo: do bản án sơ thẩm không xét xử nội dung liên quan đến kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị Thúy V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Từ tháng 8/2020 cho đến ngày bị phát hiện, Lương Minh N đã cho 07 người trên các địa bàn: Đ, T vay 13 gói vay, với tổng số tiền gốc cho vay là 499.000.000đ, mức lãi suất từ 183%/năm đến 1.217%/năm, cao gấp 9,15 lần đến 60,85 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự cho phép. Lương Minh N đã thu tổng số tiền gốc 384.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi Lương Minh N đã thu từ các gói vay trên là: 165.650.000 đồng, trong đó số tiền lãi 20% được pháp luật cho phép thu là 13.043.836 đồng, số tiền thu vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất Bộ luật dân sự cho phép là 152.606.164 đồng. Tiền gốc còn lại người vay chưa trả là 115.000.000 đồng. Tổng số tiền Lương Minh N thu lợi bất chính là 152.606.164 đồng.

Bản án sơ thẩm đã quyết định bị cáo Lương Minh N và Nguyễn Thái Q đã phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo quy định tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo Lương Minh N còn tàng trữ chất ma túy, loại MDMA, có khối lượng 2,042 gam được thu giữ tại chỗ ở của Q; bị cáo Nguyễn Thái Q tàng trữ chất ma túy, loại MDMA, có khối lượng 0,459 gam tại nơi ở nhằm mục đích sử dụng đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" được quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[2] Xét kháng cáo của chị Hoàng Thị Thúy V:

Đối với khoản vay của chị Hoàng Thị Thúy V, trong thời gian từ tháng 5/2020 đến tháng 11/2020 vay tiền của Lương Minh N nhiều lần. Đến ngày 12/11/2020, do không có tiền trả tiền gốc vay cho N, nên chị V và bị cáo N đã lập

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 113, tờ bản đồ số 11, giấy chứng nhận quyền sử dụng số CY 139011, tại, thành phố Đ cho Lương Minh N với giá trị trên hợp đồng là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Lương Minh N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới số DA 334728 ngày 21-12-2020.

*Chị Hoàng Thị Thúy V trình bày:* đến thời điểm chị V chuyển nhượng thửa đất trên cho N thì chị V đã vay N 100.000.000đ, sau khi chuyển nhượng xong thì N có đưa cho chị V thêm 20.000.000đ. Tiền lãi được N cắt trước khi nhận tiền gốc, chị V không thống kê, không xác định được cụ thể và ước lượng khoảng 35.000.000đ.

*Lương Minh N trình bày:* Trong thời gian từ tháng 5/2020 chị V vay tiền N nhiều lần, đến tháng 11/2020 thì tổng số tiền vay là 100.000.000đ, chị V không có tiền trả nên đã tự nguyện chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 113, tại phường H cho N. Sau khi chuyển nhượng xong thì N có đưa thêm cho chị V 50.000.000đ. Quá trình cho chị V vay tiền N thu tiền lãi số tiền khoảng 7.000.000đ.

Bản án sơ thẩm đã nhận định: “ từ tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra thấy việc chị Hoàng Thị Thúy V vay tiền của Lương Minh N nhiều lần, không có tài liệu thể hiện việc nhận tiền, trả lãi nên không đủ căn cứ xác định số tiền N thu lợi từ việc cho chị V vay tiền. Cơ quan điều tra chưa chứng minh được, khi nào chứng minh được số tiền này thì xử lý sau”.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số DA 334728 mà Lương Minh N nhận chuyển nhượng từ chị V, quá trình điều tra thấy việc chuyển nhượng là tự nguyện, trên cơ sở chị V vay tiền của N và tự nguyện chuyển nhượng để trả nợ. Do đó, nếu có tranh chấp về Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tranh chấp đất đai thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Như vậy, trong vụ án này, đối với nội dung kháng cáo cho rằng chị V không nhận 50 triệu đồng từ bị cáo N sau khi chuyển nhượng đất xong là do bị cáo khai, nhưng chưa được chị V thống nhất. Cơ quan điều tra chưa chứng minh được và bản án sơ thẩm cũng không xem xét, giải quyết nội dung này, mà tách ra để giải quyết bằng vụ án khác, nên kháng cáo của chị V không có cơ sở để xem xét.

Đối với kháng cáo xin hủy Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 113 ngày 12-11-2020, thấy rằng Hợp đồng này đã được thực hiện và bị cáo N đã đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới là DA 334728 . Hiện nay, chị Dương Thị Thủy T (là vợ bị cáo Lương Minh N) có yêu cầu xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 334728 mang tên Lương Minh N là tài sản chung của chị và bị cáo N. Bản án sơ thẩm cũng không giải quyết mà tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khi có phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện.



Như vậy, các nội dung kháng cáo của chị Hoàng Thị Thúy V thì Bản án hình sự sơ thẩm đều không giải quyết nên không liên quan và được tách ra, nếu có yêu cầu khởi kiện thì được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị V.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4] Kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận, người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị Thúy V đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, về yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất 113 tờ bản đồ số 11 diện tích 53,2m<sup>2</sup> tại Tổ dân phố 7 phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình giữa chị Hoàng Thị Thúy V và bị cáo Lương Minh N.

2. Về án phí phúc thẩm: Chị Hoàng Thị Thúy V phải chịu là 300.000 đồng.

3. Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm hình sự, án phí và xử lý vật chứng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Vụ I-Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục Thi hành án dân sự t.Quảng Bình;
- Công an tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam Công an t. Quảng Bình;
- Bị cáo (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT-...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Tấn Long**